

Số: 46/2019/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 20 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số 105/2019/QĐMPH-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông **Vũ Đình T, sinh ngày 27/02/1957.**

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Úc.

- Bà **Trần Thị N, sinh ngày 15/8/1966.**

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Úc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà N: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 2 phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N trình bày ông bà tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 23/4/1988 đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N (nay là huyện N1), tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống ở Việt Nam một thời gian thì sang Australia (Úc) sinh sống. Sau khi kết hôn được khoảng 30 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không thể chia sẻ, nói chuyện được với nhau. Từ năm 2018 vợ chồng ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn liên lạc với nhau. Đến nay ông T và bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà N cùng xác định có 02 con chung là Vũ Thị Thu T1, sinh ngày 08/3/1988 và Vũ Thiên T2 sinh ngày 09/6/1994. Hiện các con chung đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà N. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông T và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông T và bà N đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng hiện đều đang sinh sống ở Australia (Úc) nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T, bà N do ông Nguyễn Văn Đ nộp thay đều được Đại sứ quán Việt Nam tại Australia (Úc) xác nhận nên công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Tại phiên họp vắng mặt ông T, bà N, ông Đ nhưng các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 23/4/1988 đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N (nay là huyện N1), tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng kết hôn được khoảng 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể chia sẻ, nói chuyện được với nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn liên lạc với nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa ông T và bà N đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà N là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Ông T và bà N có 02 con chung là Vũ Thị Thu T1 sinh ngày 08/3/1988 và Vũ Tiến T2 sinh ngày 09/6/1994. Hiện cả 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà N trình bày vợ chồng không có tài sản, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí: Ông T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 1 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Đình T và bà Trần Thị N.

2. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Vũ Đình T về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do ông Nguyễn Văn Đ nộp thay tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số **AA/2017/0008262 ngày 17/7/2019**. Ông T đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20/8/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa HN.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn